

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Khoa	Điểm HT	ĐRL	Loại HB	Mức HB
1	674054	Phạm Thị Thu	K67KHDTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	96	Xuất sắc	11,690,000
2	673974	Lê Thị Nhung	K67KTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	90	Xuất sắc	11,690,000
3	673955	Đỗ Yến Ngọc	K67KTA	Kinh tế và Quản lý	3.90	93	Xuất sắc	11,690,000
4	673979	Võ Hồng Phúc	K67KTA	Kinh tế và Quản lý	3.88	92	Xuất sắc	11,690,000
5	673812	Trần Việt Hà	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.87	97	Xuất sắc	11,690,000
6	677709	Vũ Thị Yến Nhi	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.84	75	Khá	8,350,000
7	677678	Mai Thu Hương	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.83	88	Giỏi	10,020,000
8	673984	Lê Thị Phương	K67KTA	Kinh tế và Quản lý	3.79	75	Khá	8,350,000
9	677725	Phạm Thị Ngọc Lan	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.79	75	Khá	8,350,000
10	677675	Nguyễn Thị Thùy Tiên	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.78	70	Khá	8,350,000
11	677672	Nguyễn Thị Mai Hương	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.76	88	Giỏi	10,020,000
12	677717	Đỗ Thị Phương Thanh	K67KTB	Kinh tế và Quản lý	3.76	75	Khá	8,350,000
13	677732	Nguyễn Văn Phú	K67KTDTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	97	Xuất sắc	11,690,000
14	674079	Lê Thu Trang	K67KTDTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	84	Giỏi	10,020,000
15	673759	Đỗ Tiến Đạt	K67KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.91	96	Xuất sắc	11,690,000
16	674156	Nguyễn Hoàng Ngân	K67KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.94	95	Xuất sắc	12,180,000
17	674145	Đỗ Văn Khánh	K67KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.76	100	Xuất sắc	12,180,000
18	674031	Đàm Văn Thắng	K67KTPTA	Kinh tế và Quản lý	3.89	93	Xuất sắc	11,690,000
19	673897	Phạm Hồng Khánh Linh	K67KTPTA	Kinh tế và Quản lý	3.63	80	Giỏi	10,020,000
20	673964	Nguyễn Minh Nguyệt	K67KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.95	91	Xuất sắc	13,020,000
21	673723	Nguyễn Ngọc Anh	K67KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.90	91	Xuất sắc	13,020,000
22	673715	Kiều Ngọc Anh	K67KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.85	93	Xuất sắc	13,020,000
23	677858	Tạ Thị Ngọc Hà	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	4.00	90	Xuất sắc	11,690,000
24	677799	Đào Thương Huyền	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.94	90	Xuất sắc	11,690,000
25	677886	Mai Thị Trà My	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.87	91	Xuất sắc	11,690,000
26	677788	Lê Thị Huyền Linh	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.86	87	Giỏi	10,020,000
27	677876	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.85	85	Giỏi	10,020,000
28	674099	Nguyễn Bá Mạnh Tuấn	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.85	82	Giỏi	10,020,000
29	673895	Ngô Ngọc Linh	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.84	82	Giỏi	10,020,000
30	677813	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.80	97	Xuất sắc	11,690,000
31	677857	Trần Anh Quân	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.80	82	Giỏi	10,020,000
32	674064	Lê Thị Thuý	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.79	92	Xuất sắc	11,690,000
33	673960	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.76	80	Giỏi	10,020,000
34	674000	Bùi Anh Quân	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.75	82	Giỏi	10,020,000
35	677837	Nguyễn Thị Bích Loan	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.74	87	Giỏi	10,020,000
36	677826	Nguyễn Thị Thu Phương	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.74	72	Khá	8,350,000
37	677862	Phan Hà Thu Thảo	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.74	90	Xuất sắc	11,690,000
38	677850	Nguyễn Ngọc Nhi	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.71	82	Giỏi	10,020,000
39	677838	Phạm Thu Hà	K67KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.70	90	Xuất sắc	11,690,000
40	673951	Ngô Thị Kim Ngân	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	92	Xuất sắc	11,690,000
41	673893	Bùi Thị Bằng Lăng	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	90	Xuất sắc	11,690,000
42	673757	Nguyễn Tiến Đạt	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	4.00	97	Xuất sắc	11,690,000
43	677979	Đinh Thị Khánh Linh	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.94	90	Xuất sắc	11,690,000
44	673916	Nguyễn Ngọc Loan	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.94	95	Xuất sắc	11,690,000
45	673813	Đoàn Thu Hà	K67QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.88	95	Xuất sắc	11,690,000
46	675774	Nguyễn Thị Ngọc	K67QLNNA	Kinh tế và Quản lý	4.00	93	Xuất sắc	11,690,000
47	675587	Nguyễn Lý Khánh Linh	K67QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.96	90	Xuất sắc	11,690,000
48	675590	Võ Khánh Linh	K67QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.85	75	Khá	8,350,000
49	675897	Nguyễn Minh Quân	K67QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.85	90	Xuất sắc	11,690,000
50	680741	Vũ Minh Hòa	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	3.75	92	Xuất sắc	11,690,000
51	680367	Phan Tiến Thành	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	3.60	94	Xuất sắc	11,690,000
52	683470	Đỗ Minh Thùy	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	3.39	93	Giỏi	10,020,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Khoa	Điểm HT	ĐRL	Loại HB	Mức HB
53	686943	Trần Duy Phong	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	3.00	85	Khá	8,350,000
54	686819	Đoàn Thị Thùy Linh	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	2.98	85	Khá	8,350,000
55	686932	Mai Thị Hồng Nhung	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	2.92	91	Khá	8,350,000
56	686562	Chu Thị Ngọc Anh	K68KTA	Kinh tế và Quản lý	2.88	80	Khá	8,350,000
57	682419	Nguyễn Thị Trang	K68KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.75	95	Xuất sắc	11,690,000
58	683875	Đặng Trần Trung	K68KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.68	89	Giỏi	10,020,000
59	680960	Nguyễn Xuân Điệp	K68KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.63	89	Giỏi	10,020,000
60	686976	Hà Như Quỳnh	K68KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.59	91	Giỏi	10,020,000
61	683707	Nguyễn Việt Khang	K68KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.34	85	Giỏi	10,020,000
62	682115	Nguyễn Trường Xuân	K68KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.94	100	Xuất sắc	12,180,000
63	681890	Đinh Bá Trung	K68KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.40	86	Giỏi	10,440,000
64	687051	Vũ Minh Thư	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.96	95	Xuất sắc	13,020,000
65	686821	Lưu Khánh Linh	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.90	90	Xuất sắc	13,020,000
66	687017	Trịnh Thu Thảo	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.85	84	Giỏi	11,160,000
67	686616	Hồ Minh Anh	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.80	90	Xuất sắc	13,020,000
68	686725	Hoàng Thị Hậu	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.80	93	Xuất sắc	13,020,000
69	686656	Nguyễn Thị Phương Dung	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.73	84	Giỏi	11,160,000
70	686559	Bùi Lan Anh	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.58	69	Khá	9,300,000
71	682306	Vũ Hương Giang	K68KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.53	77	Khá	9,300,000
72	682195	Trương Thị Hồng	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.57	82	Giỏi	10,020,000
73	686718	Phạm Thị Hạnh	K68KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.50	84	Giỏi	10,020,000
74	687135	Nguyễn Thị Hương Xuân	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	3.47	86	Giỏi	10,020,000
75	680714	Nguyễn Thị Thu Anh	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.45	95	Giỏi	10,020,000
76	680778	Lê Hoài Thanh	K68KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.29	82	Giỏi	10,020,000
77	683319	Hoàng Hải Yến	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	3.29	92	Giỏi	10,020,000
78	686820	Hồ Thị Khánh Linh	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.27	84	Giỏi	10,020,000
79	688649	Nguyễn Thị Hồng Ngát	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	3.26	81	Giỏi	10,020,000
80	682321	Nguyễn Thị Liên	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.10	87	Khá	8,350,000
81	682787	Phùng Thị Thanh Tân	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.09	93	Khá	8,350,000
82	681024	Nguyễn Thị Kim Dung	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.08	84	Khá	8,350,000
83	686611	Trần Nguyệt Anh	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	3.03	78	Khá	8,350,000
84	686750	Lương Việt Hoàng	K68KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.03	71	Khá	8,350,000
85	687004	Đỗ Phương Thảo	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	2.98	87	Khá	8,350,000
86	688802	Dương Văn Hoan	K68KTTCB	Kinh tế và Quản lý	2.98	81	Khá	8,350,000
87	686977	Hoàng Chúc Quỳnh	K68KTTCC	Kinh tế và Quản lý	2.95	72	Khá	8,350,000
88	686959	Tạ Bích Phượng	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	2.94	77	Khá	8,350,000
89	686847	Vũ Thùy Linh	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	2.93	83	Khá	8,350,000
90	682418	Trần Thị Nhung	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	2.91	93		8,350,000
91	680989	Dương Thị Việt Phượng	K68KTTCA	Kinh tế và Quản lý	2.90	84		8,350,000
92	686571	Hoàng Quỳnh Anh	K68QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.24	72	Khá	8,350,000
93	683079	Nguyễn Thị Hồng	K68QLKTB	Kinh tế và Quản lý	2.86	96	Khá	8,350,000
94	687060	Vũ Minh Tiến	K68QLKTA	Kinh tế và Quản lý	2.78	84	Khá	8,350,000
95	686757	Phạm Thị Huân	K68QLKTB	Kinh tế và Quản lý	2.70	80	Khá	8,350,000
96	681066	Không Thị Phương Thảo	K68QLKTA	Kinh tế và Quản lý	2.70	87	Khá	8,350,000
97	686837	Nguyễn Thùy Linh	K68QLKTB	Kinh tế và Quản lý	2.69	88	Khá	8,350,000
98	681472	Nguyễn Hoàng Minh	K68QLKTA	Kinh tế và Quản lý	2.58	88	Khá	8,350,000
99	680285	Nguyễn Võ Thục Quyên	K68QLKTA	Kinh tế và Quản lý	2.52	66	Khá	8,350,000
100	686127	Phạm Thùy Trang	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.56	94	Giỏi	10,020,000
101	681495	Vũ Thị Dung	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.48	83	Giỏi	10,020,000
102	683230	Nguyễn Vũ Hoàng Lan	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.42	94	Giỏi	10,020,000
103	682507	Vũ Hương Thảo	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.31	85	Giỏi	10,020,000
104	682512	Nguyễn Thùy Vân	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.26	74	Giỏi	10,020,000
105	688573	Hà Thị Dung	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.25	86	Giỏi	10,020,000
106	683334	Chu Ánh Ngọc	K68QLNNA	Kinh tế và Quản lý	3.22	83	Giỏi	10,020,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Khoa	Điểm HT	ĐRL	Loại HB	Mức HB
107	685118	Phí An Ngọc Ánh	K68QLNLA	Kinh tế và Quản lý	3.21	72	Giỏi	10,020,000
108	683081	Khương Thị Hải Yến	K68QLNLA	Kinh tế và Quản lý	3.08	82	Khá	8,350,000
109	696881	Nguyễn Thị Hồng	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.83	83	Giỏi	10,020,000
110	697390	Phạm Thanh Thủy	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.74	83	Giỏi	10,020,000
111	697336	Nguyễn Hoàng Long	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.60	86	Giỏi	10,020,000
112	696979	Nguyễn Thị Mai	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.38	77	Khá	8,350,000
113	696971	Ngô Khánh Ly	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.31	80	Giỏi	10,020,000
114	697160	Vũ Minh Tiến	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.29	81	Giỏi	10,020,000
115	697226	Nguyễn Hoàng Vũ	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.29	86	Giỏi	10,020,000
116	699754	Hoàng Dương Diệu Anh	K69KTA	Kinh tế và Quản lý	3.22	90	Giỏi	10,020,000
117	697371	Vương Đức Phú	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.81	95	Xuất sắc	11,690,000
118	697117	Lê Thị Thu Thảo	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.52	74	Khá	8,350,000
119	697141	Trần Thị Thu	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.33	80	Giỏi	10,020,000
120	697119	Ngô Phương Thảo	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.33	77	Khá	8,350,000
121	697393	Đặng Anh Thư	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.31	77	Khá	8,350,000
122	696729	Lê Thị Kim Ánh	K69KTDTA	Kinh tế và Quản lý	3.31	83	Giỏi	10,020,000
123	691268	Vũ Đức Nguyên	K69KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.36	86	Giỏi	10,440,000
124	691169	Nguyễn Trọng Minh	K69KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.26	77	Khá	8,700,000
125	691278	Trần Đại Sơn	K69KTNNA	Kinh tế và Quản lý	3.26	86	Giỏi	10,440,000
126	696952	Trịnh Huyền Linh	K69KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.17	80	Khá	9,300,000
127	696955	Đặng Đức Long	K69KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.12	75	Khá	9,300,000
128	696967	Thiều Hữu Sinh Lực	K69KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.11	75	Khá	9,300,000
129	696883	Vũ Thị Bách Hợp	K69KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.10	85	Khá	9,300,000
130	696948	Phùng Nguyễn Khánh Linh	K69KTSA	Kinh tế và Quản lý	3.02	80	Khá	9,300,000
131	699712	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.74	81	Giỏi	10,020,000
132	697199	Nguyễn Dương Tuấn	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.67	81	Giỏi	10,020,000
133	699746	Nguyễn Thị Yến Nhi	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.60	81	Giỏi	10,020,000
134	697037	Tạ Thị Hồng Nhung	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.57	77	Khá	8,350,000
135	696998	Nguyễn Hằng Nga	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.55	75	Khá	8,350,000
136	697274	Pờ Thị Duyên	K69KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.55	82	Giỏi	10,020,000
137	699734	Lê Thùy Dung	K69KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.55	82	Giỏi	10,020,000
138	696727	Lê Hồng Ánh	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.50	90	Giỏi	10,020,000
139	696886	Phạm Thanh Huệ	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.40	81	Giỏi	10,020,000
140	697237	Hoàng Hải Yến	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.38	72	Khá	8,350,000
141	697349	Nguyễn Thị Hồng Minh	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.36	77	Khá	8,350,000
142	696917	Trần Quang Khải	K69KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.33	80	Giỏi	10,020,000
143	696806	Vương Khánh Tùng Dương	K69KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.31	67	Khá	8,350,000
144	697122	Nguyễn Thanh Thảo	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.29	75	Khá	8,350,000
145	697044	Nguyễn Thị Oanh	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.26	97	Giỏi	10,020,000
146	697381	Vũ Phương Thanh	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.26	91	Giỏi	10,020,000
147	696832	Tạ Minh Đức	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.26	77	Khá	8,350,000
148	697006	Bùi Thị Ngọc	K69KTTCA	Kinh tế và Quản lý	3.26	77	Khá	8,350,000
149	696756	Nguyễn Tùng Chi	K69KTTCB	Kinh tế và Quản lý	3.26	84	Giỏi	10,020,000
150	697345	Nguyễn Ngọc Phương Mai	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.58	88	Giỏi	10,020,000
151	696939	Nguyễn Thị Diệu Linh	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.57	90	Giỏi	10,020,000
152	696808	Nguyễn Minh Đạt	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.50	77	Khá	8,350,000
153	696879	Hoàng Mạnh Hồng	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.50	84	Giỏi	10,020,000
154	696858	Phan Anh Hậu	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.48	82	Giỏi	10,020,000
155	697236	Cao Hải Yến	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.48	77	Khá	8,350,000
156	696942	Nguyễn Thị Thùy Linh	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.45	84	Giỏi	10,020,000
157	696693	Nguyễn Mai Anh	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.40	77	Khá	8,350,000
158	696989	Trần Quang Minh	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.38	88	Giỏi	10,020,000
159	697252	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.35	82	Giỏi	10,020,000
160	696705	Nhữ Đoàn Quang Anh	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.33	77	Khá	8,350,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Khoa	Điểm HT	ĐRL	Loại HB	Mức HB
161	699947	Đỗ Ngọc Liên	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.32	95	Giỏi	10,020,000
162	696851	Nguyễn Thị Hằng	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.26	86	Giỏi	10,020,000
163	697168	Lê Huyền Trang	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.26	84	Giỏi	10,020,000
164	696678	Đỗ Phan Quang Anh	K69QLKTA	Kinh tế và Quản lý	3.21	82	Giỏi	10,020,000
165	699938	Lò Ngọc Huyền	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.21	86	Giỏi	10,020,000
166	697386	Tăng Huy Thắng	K69QLKTB	Kinh tế và Quản lý	3.21	82	Giỏi	10,020,000
167	695426	Hà Thị Cẩm Ly	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.83	95	Xuất sắc	11,690,000
168	695150	Nguyễn Thị Thu Hiền	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.81	95	Xuất sắc	11,690,000
169	694216	Đào Thu Nga	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.69	89	Giỏi	10,020,000
170	699446	Trần Thị Thanh Vân	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.67	84	Giỏi	10,020,000
171	693489	Lê Thị Diễm	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.64	92	Xuất sắc	11,690,000
172	693986	Đàm Thị Hồng Linh	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.57	82	Giỏi	10,020,000
173	694880	Ngô Văn Anh	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.52	82	Giỏi	10,020,000
174	699839	Phan Thị Lương	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.52	93	Giỏi	10,020,000
175	694808	Khúc Xuân Vinh	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.52	95	Giỏi	10,020,000
176	695861	Vương Thị Huyền Trang	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.48	87	Giỏi	10,020,000
177	695821	Hoàng Thu Trang	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.45	91	Giỏi	10,020,000
178	695010	Nguyễn Thùy Dung	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.43	95	Giỏi	10,020,000
179	693824	Bùi Thị Thanh Huyền	K69QLNNLA	Kinh tế và Quản lý	3.43	95	Giỏi	10,020,000
180	695858	Trịnh Thùy Trang	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.42	82	Giỏi	10,020,000
181	695725	Nguyễn Phương Thảo	K69QLNNLB	Kinh tế và Quản lý	3.38	82	Giỏi	10,020,000
182	691265	Vũ Hữu Tuấn Minh	K69KTNE	Kinh tế và Quản lý	2.93	94	Khá	16,650,000
183	696801	Nguyễn Đại Dương	K69KTTCE	Kinh tế và Quản lý	4.00	95	Khá	16,650,000
184	686568	Hồ Việt Tuấn Anh	K68KTTCE	Kinh tế và Quản lý	2.86	95	Khá	16,650,000
185	674045	Nguyễn Phương Thảo	K67KTTCE	Kinh tế và Quản lý	3.81	93	Khá	16,650,000
186	6660489	Bùi Thị Thu Hường	K66KTTCE	Kinh tế và Quản lý	3.60	93	Xuất sắc	23,310,000